

BIỂU TƯỢNG THIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN CÔNG GIÁO VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nguyễn Tấn Tài*, Trần Văn Sáng

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày phản biện: 20/02/2025

Ngày duyệt đăng: 15/03/2025

*Tác giả chính:

vintantai0504@gmail.com

DOI:

<https://doi.org/10.70879/BxP8YQLao>

Title:

Sacred symbols in contemporary Vietnamese Catholic short stories

Từ khóa:

Truyện ngắn Công giáo; Biểu tượng; tượng thánh; vật thiêng.

Keywords:

Catholic short stories; symbols; sacred icons; holy objects.

TÓM TẮT: Khoa học nghiên cứu biểu tượng về các tôn giáo là một hướng nghiên cứu phức tạp và thú vị. Công giáo là một tôn giáo tồn tại trên cơ sở của tính biểu tượng, cho nên hệ thống biểu tượng trong đạo Công Giáo rất phong phú, mang nhiều giá trị thần học và có ý nghĩa đối với đức tin của các tín hữu. Ở bài viết này, chúng tôi đi vào nghiên cứu các biểu tượng Công giáo trong những tập truyện ngắn thuộc phong trào sáng tác kỷ niệm 400 năm văn học Công giáo Việt Nam. Từ cái nhìn tổng thể nghiên cứu về thánh tượng, nhân học, thần học, để giải mã ý nghĩa các biểu tượng tôn giáo trong tác phẩm văn học nói riêng và văn hóa nói chung, qua đó thấy được vai trò của biểu tượng đối với đức tin của người Công giáo được thể hiện trong văn học và trong đời sống cộng đồng hiện nay.

ABSTRACT: The scientific study of religious symbols is a complex and intriguing field of research. Catholicism is a religion founded on symbolism, and therefore, its system of symbols is rich, holding significant theological value and meaning for the faith of its believers. In this article, we delve into the study of Catholic symbols found in short stories created as part of the movement celebrating 400 years of Vietnamese Catholic literature. By taking a holistic approach through the lenses of iconography, anthropology, and theology, we aim to decode the meanings of religious symbols in literature and culture. This helps reveal the role of symbols in expressing Catholic faith as portrayed in contemporary literature and community life today.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Việt Nam là một quốc gia đa tín ngưỡng, đa tôn giáo, vì vậy văn học nghệ thuật dân tộc chịu ảnh hưởng nhiều từ tư tưởng của các tôn giáo. Bên cạnh những tôn giáo lâu đời ở Việt Nam, đạo Công giáo tuy được du nhập vào nước ta khá muộn, nhưng đã phát triển nhanh chóng và có sức ảnh hưởng đến đời sống văn hóa dân tộc. Với lịch sử gần 400 năm hình thành và phát triển, đạo Công Giáo đã có nhiều đóng góp cho nền văn học dân tộc. Nhưng dường như bộ phận văn học này chưa thực sự được đón nhận. Trong cuốn *Văn học Công giáo Việt Nam – Những chặng đường*,

Lê Đình Bảng đặt vấn đề, “Chẳng rõ là định kiến, là ngộ nhận hay thậm trọng? Giới nghiên cứu nói chung vẫn còn cảm tưởng, hình như văn học Công giáo Việt Nam là một thế giới đóng kín, thuộc cõi riêng tư nào đó, biệt lập, âm thầm, khó thâm nhập” [1, tr. 50]. Mong muốn khẳng định những giá trị đóng góp và công nhận sự hiện diện của nền văn học Công giáo ở Việt Nam, Võ Long Tế cho rằng, “Sự hiện diện của đạo Công giáo trong văn học Việt Nam là một sự kiện lịch sử và hơn nữa, là một chất men sinh động, cần được minh giải đầy đủ, tương xứng với tầm quan trọng của nó trong đời sống dân tộc” [10, tr. 16].

Trong đời sống tinh thần của tín đồ đạo Công giáo, các biểu tượng chiếm một vị trí quan trọng, vì là một tôn giáo có hệ thống biểu tượng phong phú và phức tạp, việc đi tìm hiểu và giải mã các biểu tượng trong đạo Công giáo là một vấn đề thách thức và thú vị đối với các nhà nghiên cứu. Trong sách *Kí hiệu và biểu tượng, tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương và văn hóa*, Trần Văn Sáng định nghĩa biểu tượng rằng: “Biểu tượng là những sự vật, hình ảnh, hiện tượng,...có giá trị biểu trưng. Nghĩa là lấy một sự vật hiện tượng nào đó để biểu hiện có tính chất tượng trưng, ước lệ một cái gì đó mang tính trừu tượng. Khi một sự vật hiện tượng có giá trị biểu trưng thì nó sẽ gọi lên trong ý thức người bản ngữ sự liên tượng khá bền vững” [7, tr. 175]. Theo định nghĩa biểu tượng tôn giáo của Đỗ Trần Phương: “Biểu tượng tôn giáo là những biểu tượng biểu đạt những vấn đề về giáo lí, giáo luật và những vấn đề mang tính bản thể về nhân sinh quan và vũ trụ quan theo quan niệm của tôn giáo đó” [5]. Qua tìm hiểu về biểu tượng và nội hàm tôn giáo, dựa trên những quan điểm và định hướng của Clifford Geertz khi nghiên cứu về các biểu tượng tôn giáo [2], bài viết đi vào diễn giải ý nghĩa của các biểu tượng thiêng trong văn học Công giáo.

Từ điển *biểu tượng văn hóa thế giới* của Jean Chevalier nhận xét rằng: “Không có cách gì định nghĩa cho được một biểu tượng. Nó giống như mũi tên bay mà không bay, đứng im mà biến ảo, hiển nhiên mà lại không nắm bắt được. Ta sẽ phải dùng các từ để gọi ra một hay nhiều ý nghĩa của biểu tượng nên phải luôn nhớ rằng, các từ không thể diễn đạt được hết các ý nghĩa của biểu tượng” [4, tr. 14]. Nói như vậy, khó có thể xác định bản chất của biểu tượng. Việc tìm hiểu, giải mã ý nghĩa của các biểu tượng còn phụ thuộc vào kinh nghiệm, trải nghiệm của từng cá nhân và phụ thuộc vào phong tục, niềm tin, tín ngưỡng của từng nền văn hóa. Do đó, biểu

tượng không được nhận thức theo tư duy khoa học mà thường qua kênh tư duy khác, “tư duy biểu tượng” [4]. Bài nghiên cứu này dựa trên hệ thống nhân học tôn giáo, thần học (theology), thánh tượng (iconology),...để chỉ ra vai trò của các biểu tượng thiêng đối với việc huấn giáo và ý nghĩa của đức tin trong đời sống văn học. Qua đây mong muốn góp phần thúc đẩy phong trào trong nghiên cứu và sáng tác văn học Công giáo Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu này chúng tôi sử dụng một số phương pháp tiếp cận liên ngành ngôn ngữ-ký hiệu học biểu tượng nhằm phân tích, đánh giá các luận điểm, dẫn chứng trong truyện ngắn Công giáo đương đại qua một số tác giả - tác phẩm tiêu biểu; đồng thời vừa kết hợp nội quan và ngoại quan. Ngày nay với sự nỗ lực đầy mạnh phong trào trong nghiên cứu và sáng tác, nhằm hướng đến mừng kỷ niệm 400 năm văn học Công giáo Việt Nam vào năm 2032 và kỷ niệm tròn 2000 năm Chúa Cứu Thế chịu chết để cứu chuộc nhân loại năm 2033. Trong giai đoạn dọn mừng kỷ niệm 400 năm văn học Công giáo Việt Nam, đã xuất hiện những nhà văn Công giáo mới, tạo nên diện mạo mới cho mảng văn học này. Cụ thể chúng tôi chọn các trường hợp truyện ngắn tiêu biểu như *Sông chảy về đâu* (Nguyễn Thị Khánh Liên), *Ánh sao đêm* (Phạm Hải Miên), *Bão* (Chung Thanh Huy), *Tiếng Vọng* (Tâm Ngọc), *Đi tìm Ikigai* (Nguyễn Ninh) làm trường hợp điển hình. Từ những đối tượng khảo sát này, chúng tôi tập trung diễn giải và phân tích các biểu tượng thiêng trong các truyện ngắn trên (tiếp cận nội quan). Tuy vậy, để có sự đối sánh và có cơ sở đánh giá, chúng tôi dựa trên những vấn đề quan trọng của thần học Công giáo, nhân học tôn giáo,... (tiếp cận ngoại quan).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Biểu tượng tượng thánh

Công giáo là một tôn giáo có truyền thống nghệ thuật lâu đời, yếu tố nghệ thuật và yếu

tổ tôn giáo gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau. Tuy nhiên đạo Công giáo không có truyền thống tôn kính các ảnh tượng thánh ngay từ buổi đầu. Ở thời Cựu ước, việc dùng ảnh tượng trong thờ phượng là một điều luật cấm, theo giới răn của Thiên Chúa: “*Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ.*” [Xuất Hành 20, 4]. Người Do Thái cho rằng, Thiên Chúa là Đấng vô hình, vì vậy cấm không được làm ra ảnh tượng Đức Chúa theo hình người, hình động vật để thờ. Đạo Tin lành cũng dựa trên những điều luật cấm đó, mà kết án người Công giáo tội “thờ ngẫu tượng”, điều này cũng gây ra những tranh cãi và khác biệt giữa đạo Công giáo và Tin lành. Nhưng trong thực tế, ảnh tượng thánh có nền tảng từ Thánh Kinh. Ở thời Cựu ước, Thiên Chúa đã cho phép làm ra những hình ảnh biểu tượng của ơn cứu độ như tượng các Kêrubicim [Xuất hành 25, 18-20], tượng con rắn (Dân số 21, 8-9). Theo *Từ điển Công Giáo* định nghĩa, “Ảnh tượng thánh là những hình hay tượng biểu thị Chúa Giêsu, Đức Mẹ và các thánh, đã được thánh hóa và tôn kính, thuộc nghệ thuật thánh” [3, tr. 7].

Đến năm 787, Công đồng Nicaea II đã cho phép tôn kính ảnh tượng thánh mà không bị coi là thờ ngẫu tượng. *Giáo lý hội thánh Công giáo* cho rằng, thời Cựu ước, Thiên Chúa là Đấng vô hình, chưa có thân xác, diện mạo, nên không được trình bày bằng ảnh tượng. Nhưng đến khi Đức Giêsu xuống thế làm người, lúc này Ngôi Hai Thiên Chúa đã tự trở nên hữu hình trong xác phàm và sống giữa loài người. Sau khi dung nhan Thiên Chúa được mặc khải, con người có thể dùng ảnh tượng để chiêm ngắm. Vì vậy, ảnh tượng thánh có nền tảng thần học là Mầu nhiệm Nhập Thể của Chúa Giêsu. Nên biết rằng, ảnh tượng không thể trình bày Thiên Chúa vô hình và khôn tả; việc Nhập thể của Con Thiên Chúa đã mở đầu một “nhiệm cực” mới của

các ảnh tượng. Cần chú ý đến vai trò của ảnh tượng thánh, đó là nhắc nhở con người vốn được tạo dựng “theo hình ảnh của Thiên Chúa”, và sẽ được trở nên “giống như Ngài” [11]. Ngày nay, ảnh tượng thánh không chỉ có ý nghĩa biểu tượng trong việc Phụng Vụ, sinh hoạt tôn giáo, mà nó đã trở thành biểu tượng trong văn học.

3.1.1. Biểu tượng Chúa và Thánh Giá

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* của Jean Chevalier, “Truyền thuyết của đạo Kitô đã làm giàu rất nhiều cho ý nghĩa biểu trưng của hình chữ thập,... Cây Thánh giá đã chiếm lĩnh toàn bộ hệ tranh tượng của đạo Kitô, để thể hiện sự khổ đau, cũng như sự có mặt của Đấng Cứu Thế; ở đâu có giá thập tự, ở đâu có người bị đóng đinh trên giá ấy.” [4, tr. 402]. Mọi ảnh tượng thánh trong đạo Công giáo đều quy hướng về Đức Chúa Giêsu. Thánh Phaolô khẳng định, “*Thánh Tử là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình, là trường tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo*” [Cô-lô-xê 1, 15]. Chính Chúa Giêsu là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình, vô tận. Trong tâm thức của các nhà văn Công giáo, Chúa đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng và cao cả. Hiển nhiên, đi kèm với Chúa luôn có biểu tượng Thánh giá. Trước khi Chúa Giêsu chịu khổ hình, thập giá chỉ là một dụng cụ mà đế quốc La Mã dùng để thi hành án tử hình với những tội nhân không phải là công dân. “*Thập giá là một sự điên rồ đối với dân ngoại, và là một điều ô nhục đối với người Do Thái*” [x. 1 Cô-rin-tô 1, 23]. Nhưng sau khi Chúa Giêsu bị treo lên, đóng đinh, thập giá bình thường ấy đã trở thành Thánh giá. Đây được xem như là biểu tượng trọng tâm của Kitô giáo, vì vậy Thánh giá là biểu tượng của niềm tin cho những tín đồ tin vào Chúa.

Chúng ta có thể bắt gặp hình ảnh Thánh giá ở khắp mọi nơi như trong các nhà thờ, trong gia đình, phim ảnh, tranh vẽ, đồ dùng trang trí,... Trong các tác phẩm văn chương, hình ảnh Thánh giá xuất hiện với nhiều sắc

thái khác nhau. Khảo sát giá trị biểu trưng của Thánh giá trong một số truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy, Thánh giá là biểu tượng để những người theo đạo Công giáo nhận ra nhau. Nhân vật ông Tư trong truyện ngắn *Câu chuyện chiều mưa* (Chung Thanh Huy), nhận ra người khách lạ đang trú mưa ở nhà mình là người có đạo khi thấy cây Thánh giá trước ngực của người đàn ông.

“Lúc mời nước, thoáng thấy cây Thánh giá trước ngực người khách lạ, ông Tư dợm hỏi:

- Ông theo đạo Chúa?

- Tui theo đạo từ nhỏ” [Ngữ liệu 1, tr. 59-60].

Nếu như trong văn hóa người Việt, “miếng trầu là đầu câu chuyện”, đối với người Công giáo, việc gặp những người cùng đức tin như “miếng trầu” để bắt đầu những câu chuyện về đạo và đời. Như trong truyện *Một lần vấp ngã* (Phạm Hải Miên), vị khách và người lái taxi đã nhận ra nhau cùng có đạo khi thấy bức tượng Lòng Chúa thương xót ở trên chiếc xe.

“- Anh là người có đạo?

- Vâng, sao vậy?

- Không sao, tôi thấy bức tượng Lòng Chúa thương xót đẹp quá!

- Tôi cũng có Đạo nhưng không phải là một Kitô hữu tốt!” [Ngữ liệu 3, tr. 23-24])

Người tài xế trong truyện *Một lần vấp ngã* (Phạm Hải Miên) và vị khách trong *Câu chuyện chiều mưa* (Chung Thanh Huy) đã trở thành những người bạn hữu thân tình, khi đã lắng nghe những đắng cay cuộc sống của nhau, dạy bảo những người đang lầm đường lạc bước, khuyên nhủ họ trở về cùng Chúa. Mặc dù là những người xa lạ, nhưng có lẽ việc tìm được đạo hữu cùng niềm tin đối với người Công giáo như một niềm vui, họ sẵn sàng chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau. Vì các Kitô hữu quan niệm rằng, mọi người đều là anh em, có chung một Cha trên trời và có cùng một mẹ Giáo Hội, nên họ phải có bổn phận là yêu thương tha nhân. “Giữa Sài Gòn đất chật người đông, dễ gì kiếm được một người tin

vào Chúa. Mắt bà mừng lớn, sáng hẳn lên” (*Ánh sao đêm* - Phạm Hải Miên [Ngữ liệu 3, tr. 118]).

Ở Hy Lạp, khởi nguyên từ *symbollo* có nghĩa là “ráp lại với nhau”. Chính xác hơn, đây là hai nửa của tín vật có thể ráp khớp lại với nhau, làm dấu hiệu để nhận biết và phân biệt họ với người khác không có vật kiểm chứng. Theo Đinh Hồng Hải, “Nó cũng có ý nghĩa trong giai đoạn đầu của nhà thờ Cơ đốc giáo dường như đã chấp nhận khái niệm biểu tượng. Nó đã được sử dụng cho các phát ngôn quyền lực chính thức về niềm tin tôn giáo, phân biệt những người theo Cơ đốc giáo – Credd” [2, tr. 212]. Như vậy, Chúa và Thánh giá là biểu tượng để nhận biết những người có niềm tin vào Thiên Chúa và để các tín hữu Công giáo nhận ra nhau.

Mặt khác, biểu tượng Thánh giá chính là ấn tích của những Kitô hữu khi thông phần vào hy tế của Chúa Giêsu trên thập giá. Thánh giá không phải là thập giá của tử tội, nhưng là lời mời gọi họ chết cho tội lỗi, sống cuộc sống ân sủng với Thiên Chúa. Trong truyện *Bước qua niềm đau* (Phạm Hải Miên), nhân vật chị Phương là người phụ nữ đã có gia đình, nhưng lại bị chồng phụ bạc. Dưới sự thúc ép của người mẹ, chị phải đi tìm cho mình người đàn ông khác, đâu biết điều đó là không phải phép đạo. Khi đang gặp mặt người đàn ông mới, cây Thánh giá xuất hiện trên cổ đứa bé làm cắt ngang cuộc trò chuyện. “*Cây Thánh giá nhỏ xỏ qua sợi dây chuyền trên cổ thằng bé đập vào mắt chị. Chị nắm lấy, ánh mắt Chúa nhìn chị đau khổ, u sầu.*” [Ngữ liệu 3, tr. 110]. Cây Thánh giá nhắc nhở chị Phương nhớ lại mình là người Công giáo, nhớ lại lời hứa chung thủy trọn đời khi lập Bí tích Hôn phối - là hôn nhân một vợ một chồng. Nhìn vào Thánh giá, thấy sự đau khổ bên ngoài và tình yêu Thiên Chúa bên trong, giúp người phụ nữ ấy chiến thắng tội lỗi và giữ trọn luật Chúa. Tác giả Tâm Ngọc cũng sử dụng biểu tượng Thánh giá như là sự cứu

rồi con người khỏi tội lỗi. Nhân vật cô sinh viên Hằng phải chiến đấu với sự ác, đó là cuộc chiến để giữ trọn sự thánh thiện, tình tuyền của người con gái có đạo với lợi ích điểm số mà người thầy đưa ra. “*Hằng mở to đôi mắt. Căn phòng vẫn mập mờ, nhập nhoạng trong gam màu đen tối tội lỗi. Chỉ có cây Thánh giá trên cổ người đàn ông lấp lánh sáng. Trong ánh đèn mờ ảo, cô dường như thấy bàn tay Chúa chịu nạn đang dang ra cứu lấy cô*” [Ngữ liệu 4, tr. 33-34]. Thánh giá trở nên ánh bình minh cứu độ, đẩy lùi bóng tối tội lỗi của trần gian. “*Trở về với thầy đi con*”. *Tiếng nói ấy dường như phát ra ngay từ cây Thánh giá*” [Ngữ liệu 4, tr. 34]. Chúa Giêsu đã biến thập giá - dụng cụ giết người, thành dụng cụ giải thoát con người khỏi án chết đời đời (tội lỗi); biến dụng cụ nhục hình thành dụng cụ diễn tả chiến thắng vinh quang. Nhờ Thánh giá và qua Thánh giá, con người trở về cùng Thiên Chúa, Thánh giá đã được sử dụng như một biểu tượng chiến thắng trong cuộc chiến của nhân loại chống lại tội lỗi. Nhân vật chị Phương (*Bước qua niềm đau* - Phạm Hải Miên) và Hằng (*Tiếng vọng* – Tâm Ngọc) nhờ Thánh giá mà chiến thắng sự dữ là tội lỗi, để giữ trọn bổn tâm của chính mình.

Ban đầu thập giá là công cụ hành hình tàn nhẫn của con người, nhờ Đức Giêsu, trở nên Thánh giá – biểu tượng diễn tả tình yêu thương và tha thứ. Nhân vật ông lão trong truyện *Làm hòa* (Nguyễn Ninh) đã gây ra biết bao tội lỗi, vì ghen tuông vô cớ, mà ông đã đẩy vợ mình đến cái chết. Kể từ đó ông đâm ra hận đời, hận người, mất hết niềm tin cuộc sống và từ bỏ đức tin ở Thiên Chúa – Đấng mà ông thờ phượng mỗi ngày. Trong bóng tối của sự tuyệt vọng, khi trải qua cơn đau bệnh mà không còn một ai ở bên cạnh, ông nhìn lên bàn thờ nhìn tượng Chúa chịu nạn, ông vô tình nhận ra Chúa vẫn ở đó chờ ông trở về. “*Bất thần lão trọn ngược mắt lên trần nhà. Cái bàn thờ bấy lâu nay giảng đầy mạng nhện. Tượng Chúa chịu nạn gục xuống. Đó là*

Chúa của lão. Lão như choàng tỉnh. [...] Lão nhìn thấy đôi mắt Chúa, như sâu nảo, như tha thiết. Trong cái u uất thần sâu của bóng đêm nhợt nhạt, lão khóc. Lão muốn làm hòa với Chúa. Lay Chúa xin cứu con. Xin tha thứ cho con.” [Ngữ liệu 5, tr. 115]. Truyện ngắn *Người xưng tội cuối cùng* của Tâm Ngọc, cây Thánh giá cũng biểu thị ý nghĩa cho sự tha thứ của Thiên Chúa đối với tội lỗi của con người. Nhân vật Hòa đã trở về với tình yêu của Chúa sau một thời gian rời xa đạo, sống như con chiên lạc đàn. Và chính Chúa đã đưa Hòa trở về. “*Hòa chấp tay cầu nguyện trước Tượng Chịu nạn. Và dường như, Hòa thấy, Chúa Giêsu đang mỉm cười với mình*” [Ngữ liệu 4, tr. 160]. Có thể thấy, Thánh giá là biểu tượng cho sức mạnh của Thiên Chúa trước sự bất lực của con người; là sự tha thứ của Thiên Chúa đối với tội lỗi của nhân loại; thể hiện tình yêu cao cả của Thiên Chúa, luôn dang tay chờ đợi đưa con hoang đường quay trở về.

Thánh giá – một biểu tượng sơ đẳng, giản đơn, lại mang một dung lượng ý nghĩa lớn hơn so với các biểu tượng phức tạp, vì tiềm năng ý nghĩa mà nó tạo thành hạt nhân biểu tượng của tôn giáo. Cho thấy, Chúa và Thánh giá là biểu tượng quan trọng nhất của đạo Công giáo. Vì nếu không có sự Khổ nạn và Phục sinh của Chúa Giêsu, thì tất cả niềm tin của mọi tín đồ đều trở nên vô nghĩa. Ảnh tượng Chúa không diễn tả chính Thiên Chúa, nhưng qua đó các tín hữu cảm nhận được chính Chúa đang hiện diện. Thánh giá trở nên bằng chứng cho niềm tin và sự tự hào của những Kitô hữu. Như lời Thánh Phaolô đã tuyên xưng: “*Niềm vinh dự của tôi là Thập giá Đức Giêsu Kitô*” [x. Ga-lát 6, 14].

3.1.2. Biểu tượng Đức Mẹ

Như khi nhìn vào hình ảnh của người mẹ giúp chúng ta nhớ đến mẹ của mình, người Công giáo dùng ảnh tượng để nhớ lại một vị thánh, giúp các tín đồ nhớ đến gương mẫu của các Ngài để mà noi theo. Đối với giáo hội Công giáo nói chung và các tín hữu Việt Nam

nói riêng, có một lòng sùng kính Đức Mẹ một cách đặc biệt. Đức Mẹ là một vị Thánh được tôn kính với nhiều tước hiệu như: Hoa Hường Mầu Nhiệm, Lầu Đài Đavít, Tháp ngà báu, Hòm bia giao ước, Cửa thiên đường, Sao mai sáng,...và còn vô số tước hiệu khác trong thơ ca. Trong tất cả các tước hiệu và đặc ân được ban cho Đức Mẹ, tước hiệu cao cả nhất là: *Đức Maria - Mẹ Thiên Chúa* [3, tr. 228-229]. Chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp ảnh tượng Đức Mẹ ở trong gia đình tín đồ đạo Công Giáo, và trong khuôn viên của mỗi nhà thờ không thể thiếu tượng đài Đức Mẹ. Đức Maria đã đi vào trong thơ văn và trở thành một biểu tượng mang nhiều giá trị huân giáo.

Theo *Giáo lý Hội thánh Công giáo*, Đức Maria là “Mẹ chúng ta trong mọi lãnh vực ân sủng” [11, tr. 304]. Những Kitô hữu tin rằng, Thiên Chúa ban cho con người có hai người mẹ: một người mẹ trần thế sinh ra chúng ta, và một người Mẹ Thiên Đàng. Vì thế, các tín đồ gọi Đức Maria là Mẹ, và nhận mình là con của Mẹ. Nhân vật Liên trong truyện ngắn *Đong tằm lòng* (Phạm Hải Miên), vì sự hà khắc của cha, mà cô không được theo đạo Chúa cho dù đã ước ao từ bé. Người ta thấy ở Liên có một tâm tình yêu mến Đức Mẹ một cách nhiệt thành, qua việc “*Liên đến nhà thờ mỗi hôm. Hang đá Đức Mẹ nhờ vậy mà khang trang hơn ngày trước. Liên Chu đáo sẵn sàng, thay nước, chăm hoa đều đặn mỗi chiều. Trở về từ phố khi đã mệt nhoài, nhưng Liên vẫn ghé thẳng vào nhà thờ.*” [Ngữ liệu 3, tr. 44]. Đến khi Liên mất, qua câu chuyện do người cha kể lại, mọi người trong giáo xứ mới hiểu được con người thật của Liên. “*Liên thấy bóng dáng mẹ nó – là người vợ của con nơi Đài Đức Maria giáo xứ mỗi trưa. Chính tại Đài Đức Mẹ giáo xứ cũ, hai mẹ con đã trốn con trong những lần say xỉn triền miên.*” [Ngữ liệu 3, tr. 47]. Có thể thấy, Đức Mẹ trở nên biểu tượng của tình mẫu tử thiêng liêng. Qua tượng Mẹ, gợi nhớ đến những giá trị gia đình, lòng yêu thương và sự bảo bọc của mẹ

dành cho con cái. Nhân vật Nhân trong truyện *Con trai ông mục sư* (Chung Thanh Huy) cũng thấy được hình ảnh của người mẹ đã mất nơi tượng Đức Mẹ. “*Nhân bị cuốn hút bởi tượng một người phụ nữ với vẻ đẹp dịu dàng, nhân hậu trong nếp áo trắng tinh. [...] Nhân đã tìm thấy hình bóng người mẹ đã khuất của mình chính nơi Mẹ Fatima. Nói cách khác, Mẹ Fatima là người mẹ mà Nhân hằng mong ước có được. Một người mẹ, một mẫu gương đạo đức để cậu noi theo.*” [Ngữ liệu 1, tr. 41]. Đức Mẹ Fatima là một biểu tượng thần học quan trọng trong đạo Công giáo, gắn liền với sự kiện Đức Mẹ hiện ra tại làng Fatima, nước Bồ Đào Nha vào năm 1917. Kể từ đó, Đức Mẹ Fatima đã trở thành một biểu tượng tâm linh đặc biệt, gọi lên sự bảo trợ của Đức Mẹ đối với những người gặp khó khăn và cần sự giúp đỡ. Trong tác phẩm của Chung Thanh Huy, qua việc chạy đến cầu nguyện nơi đài Đức Mẹ, nhân vật Nhân đã cảm nhận được sự che chở và giúp đỡ của Mẹ Fatima. “*Những khắc khoải, ưu tư trong tâm hồn Nhân đã được Mẹ Fatima an ủi, lấp đầy. Cũng từ đó trong mọi biến cố của cuộc đời Nhân đều có Mẹ. Cứ mỗi lần hai cha con gặp chuyện xung khắc, Nhân đến cầu nguyện cùng Mẹ thì sau đó mọi thứ dường như ổn thỏa.*” [Ngữ liệu 1, tr. 41]. Điều đặc biệt ở đây, Nhân không phải là tín hữu Công giáo, mà lại là con trai của một mục sư Tin Lành (Đạo Tin Lành không có truyền thống tôn kính Đức Mẹ). Với sứ điệp của Mẹ Fatima là kêu gọi nhân loại đoàn kết để cùng xây dựng một thế giới hòa bình. Biểu tượng Đức Mẹ Fatima còn mang ý nghĩa về sự đoàn kết giữa các tín hữu và các tôn giáo. Nhân vật Nhân đã trở thành linh mục của Chúa, không phải là để chống đối cha của mình, cũng chẳng phải để gây chia rẽ bất hòa trong gia đình. Điều ấy nói lên rằng, tất cả mọi người, dù là Công giáo hay Tin Lành đều hiệp nhất trong niềm tin là Thiên Chúa. Như lời nhà văn Nguyễn Thị Khánh Liên, “*Theo quy luật của*

dòng chảy, tất cả mọi dòng sông đều đổ về biển. Đạo Công Giáo và đạo Tin Lành giống như hai nhánh sông cùng chảy về biển Tình Yêu Chúa. Chúa đứng đó, bao dung và nhân ái chờ đợi những nhánh sông chảy về.” [Ngữ liệu 2, tr. 68].

Đức Maria là một biểu tượng lòng thương xót của Thiên Chúa, qua việc cổ võ đức tin của các tín hữu, tin vào sự cứu rỗi của Chúa Giêsu và lòng từ bi của Mẹ, nhờ đó sẽ nhận được sự bảo trợ của Mẹ Maria. Với tước hiệu “Đức Mẹ hằng cứu giúp”, Đức Maria luôn lắng nghe và trợ giúp các tín đồ, đặc biệt đối với những lúc khó khăn, gian nan của cuộc sống. Trong truyện ngắn *Yêu thương quay về* (Tâm Ngọc), khi đối diện với ranh giới sinh tử của con gái mình, người cha đã chạy đến cầu xin Mẹ Maria cứu giúp. “*Hắn đứng dậy, thần thờ đi ra cổng bệnh viện. Hắn cứ đi như thế và đến đài Đức Mẹ lúc nào không hay biết, Hắn quỳ xuống, van xin, khẩn nài. Hắn bán loạn. Hắn gào trong nước mắt: “Mẹ tha lỗi cho con! Con xin Mẹ hãy cứu lấy con gái con. Con xin Mẹ, trăm ngàn lần, con xin Mẹ. Con biết lỗi của con rồi. Xin Mẹ, cho con gái con được sống...Con xin Mẹ...”* [Ngữ liệu 4, tr. 103]. Tiếng khẩn khoản xin của người cha đã được Đức Mẹ thương nhận lời. Mẹ không chỉ cứu con gái của hắn khỏi tay tử thần, mà còn cứu cả hắn và gia đình của hắn. Qua cơn nguy khốn, Mẹ biến đổi hắn từ một người cha nghiện rượu, cấm cản vợ con đi theo Đạo, sau trở thành người cha gương mẫu, trở về với tình yêu thương của Thiên Chúa. Để được như vậy, một phần cũng nhờ vào lời cầu nguyện của người con gái. “*Đêm đó, đêm đầu tiên sau một khoảng thời gian dài, gia đình nó lại quây quần bên bàn thờ Chúa để đọc kinh, để tạ ơn. Nó thì thầm to nhỏ: “Cám ơn Mẹ, cám ơn Chúa đã đem ba Thiện về cho gia đình con, đã đem yêu thương về lại nơi gia đình bé nhỏ của con.”* [Ngữ liệu 4, tr. 105]. Đức Mẹ không chỉ cứu giúp và ban ơn, nhưng nhờ Mẹ, mà những đứa con

hoang đàng biết ăn năn trở về. Mẹ Maria trở thành biểu tượng của một người mẹ nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, qua việc dạy bảo và sửa lỗi cho con cái của mình. Trong truyện ngắn *Trở về* (Phạm Hải Miên) kể về câu chuyện của một gia đình tưởng chừng như rất hạnh phúc. Đến khi người vợ sinh liên tiếp ba người con gái, từ đó người chồng đâm chán cảnh gia đình, chìm đắm trong rượu chè, cờ bạc, hần bán hết tất cả những thứ có trong nhà, khiến cho vợ con phải sống trong cảnh khổ cực. Trong một lần hết tiền, hắn bắt chấp làm điều phạm thánh. “*Hắn lao đến bàn thờ giữa gian nhà. Hắn cúi mình cung kính trước khi làm điều bất kính. Không suy nghĩ thêm, hắn đưa tay rút bàn tay bên trái của Đức Mẹ ra khỏi vạt áo. Không có vật gì rơi ra. Hắn hồi hộp, rồi đưa tay rút bàn tay phải của Mẹ. Không có gì! Hắn nản chí, thả bàn tay Mẹ xuống tủ rồi bỏ đi.”* [Ngữ liệu 3, tr. 17]. Như tước hiệu “Đức Mẹ chỉ bảo đàng lành”, Mẹ Maria đã hy sinh bàn tay vì tội lỗi của con cái, bàn tay ấy là dấu chỉ dẫn đường để người con lạc bước biết quay trở về. Chính Đức Mẹ đã sửa dạy hắn, giúp hắn nhận ra con người xấu xa tội lỗi của mình mà hoán cải. “*Bàn tay Đức Mẹ sao nằm kia vậy mẹ?!” “Nằm đấy để dẫn bố trở về với mẹ con mình!”* Hắn liếc nhìn bàn tay Đức Mẹ giữa tủ thờ rồi cúi mặt. Chỉ mình vợ hắn hiểu” [Ngữ liệu 4, tr. 22]. Chi tiết bàn tay của Đức Mẹ nói lên rằng, mặc cho con người bao lần xúc phạm đến Mẹ, dấu tội lỗi có cao như núi, Mẹ vẫn yêu thương và chờ đợi người con quay trở về.

Trong nghệ thuật Công giáo, tượng Đức Mẹ Sầu Bi (Pietà) là một tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng mang nhiều ý nghĩa. Đây là một tác phẩm điêu khắc nổi tiếng thời kỳ Phục Hưng của tác giả Michelangelo. Hình tượng Đức Mẹ Sầu Bi thường được miêu tả Đức Mẹ ôm lấy thân hình Chúa Giêsu sau khi được tháo xuống từ Thánh Giá, thể hiện sự mất mát và đau khổ mà Đức Mẹ phải chịu đựng. Tác phẩm trở thành một biểu tượng cho sự đau

khô, lòng yêu thương, hy sinh và sự bất diệt của tình mẫu tử. Trong truyện ngắn *Tình yêu thập giá* của Nguyễn Ninh, tác giả đã xây dựng câu chuyện thể hiện đầy đủ ý nghĩa của biểu tượng Đức Mẹ sầu bi. Mở đầu câu chuyện kể về một bà mẹ với đôi bàn chân trái bị liệt, mỗi buổi chiều đều chống nạng gỗ đến nhà thờ ngồi ở ghế đá. “*Đăm chiêu nhìn lên bức tượng Đức Mẹ sầu bi. Tâm hồn bà dâng lên một nỗi xúc cảm, một tâm tình cảm mến vô bờ, khi bà chợt nghĩ về quãng đường dài thăm thẳm đã qua.*” [Ngữ liệu 5, tr. 157-158]. Bà là một người phụ nữ khôn khổ, khi một mình nuôi ba đứa con khôn lớn, nhưng chúng lại không nên người, khiến người làm mẹ như bà phải sống trong nước mắt tủi hờn. Tượng Đức Mẹ Sầu Bi diễn tả ý nghĩa thần học về sự kiên nhẫn, chịu đựng của Đức Mẹ trong nỗi đau khổ, qua đó khuyên dạy các tín hữu giữ vững lòng tin và chịu đựng những khó khăn trong cuộc sống. Nhân vật người mẹ trong câu chuyện “*đã kiên nhẫn chờ đứa con của bà quay trở về. Bất chấp hàng trăm lần nó ngã nghịch hư hỏng. Và rồi nó nhận ra tình yêu bà dành cho nó nơi sự hy sinh, nơi những đau đớn bà đã trải qua. Để rồi kịp sám hối trở về.*” [Ngữ liệu 5, tr. 163]. Liên hệ với tượng Đức Mẹ Sầu Bi, đây là biểu tượng liên kết giữa đau khổ và sự cứu chuộc. Qua việc hy sinh của Chúa Giêsu trên Thánh giá và nỗi đau của Đức Mẹ trở nên biểu tượng của tình yêu thương. Hình ảnh này nhắc nhở chúng ta rằng đau khổ không phải là điều vô nghĩa, mà là cơ hội để con người trưởng thành và trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu khổ nạn. Nhờ trải qua những thách đố của cuộc sống, mà người mẹ trong tác phẩm của Nguyễn Ninh đã chiêm nghiệm được những giá trị của sự đau khổ. “*Bà say mê chiêm ngắm hình ảnh Chúa Giêsu thương trong vòng tay Mẹ Maria. Bất chợt bà khám phá ra một mẫu nhiệm tình yêu lạ kỳ nơi Giêsu. Bà nhận ra một sự trùng hợp lạ lùng giữa tình yêu bà dành cho con và tình yêu*

Giêsu dành cho bà, dành cho nhân loại. Bà ngỡ ngàng nhận ra chính Giêsu đã dạy bà yêu thương đứa con của mình, nơi chính tình yêu của Người.” [Ngữ liệu 5, tr. 162]. Mặt khác, Đức Mẹ còn là biểu tượng của sự an ủi và niềm hy vọng cho những mất mát, đau khổ của con người. Như trong truyện ngắn *Cỏ dại* (Phạm Hải Miên), chi tiết “*dưới tượng Đức Mẹ xây trên nắm mồ năm xưa, những nhành cỏ dại đã trở bông*” [Ngữ liệu 3, tr. 99] là biểu tượng cho sự chữa lành của Đức Mẹ đối với nỗi đau mất con của bà Lan, và nỗi đau mất chồng của chị Yên.

Theo *Giáo lý Hội thánh Công giáo* số 487 [Bộ Giáo lý Đức Tin, 2022, tr.155], “*Những gì đức tin Công giáo tin về Mẹ Maria, đều đặt nền tảng trên những gì đức tin đó tin về Đức Kitô, nhưng những gì đức tin dạy về Mẹ Maria, lại làm sáng tỏ đức tin vào Chúa Kitô*”. Từ tín lý chặt chẽ của giáo hội Công giáo, giáo dân Việt Nam nói chung, các nhà văn Công Giáo Việt Nam nói riêng, đã chuyển hóa niềm tin vào quyền năng của Đức Mẹ Maria theo cách của mình. Quá trình “*bản địa hóa Đức Mẹ Maria*” – một người phụ nữ lịch sử của Kinh Thánh, là mẹ của Đấng Cứu Độ, một người phụ nữ ở phương trời xa xôi đến Việt Nam và được đón nhận một cách gần gũi, thân quen, đầy kính mến. Đức Mẹ trở thành trung gian dẫn đưa ân sủng của Chúa đến với nhân loại. Mẹ Maria là biểu tượng của người mẹ thiêng liêng mà Thiên Chúa ban tặng cho con người, Mẹ luôn yêu thương, chở che, dạy dỗ con cái. Khi nhìn ngắm Mẹ, những tín hữu lấy đó làm mẫu gương cho đời sống Đức tin. Các nhà văn Công giáo đã giúp khẳng định vị trí của Đức Mẹ trong đời sống tâm linh của các tín hữu. Quá trình bản địa hóa Đức Mẹ Maria trong văn chương được biểu hiện với việc bản địa hóa biểu tượng Đức Mẹ qua quyền năng của Mẹ Maria

3.2. Biểu tượng vật thiêng

3.2.1. Biểu tượng chuỗi Mân Côi

Sử dụng tràng chuỗi/ tràng hạt để đọc kinh là việc làm thường thấy trong các tôn giáo, đây là một dụng cụ dùng để đếm số kinh nguyện. Đối với đạo Công giáo, tràng chuỗi được các tín hữu sử dụng phổ biến là chuỗi Mân Côi, nó gắn liền với lịch sử phát triển của Kinh Mân Côi, mang nhiều sự tích huyền bí và ý nghĩa về đức tin. Theo *Từ điển Công giáo* của Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), kinh Mân Côi là một hình thức cầu nguyện cùng Đức Mẹ Maria, nhằm suy niệm các mầu nhiệm trong cuộc đời Chúa Giêsu. Kinh Mân Côi gồm bốn chủ đề: Vui, Sáng, Thương, Mừng. Mỗi chủ đề gồm năm mầu nhiệm (còn gọi là năm “sự”). Trong cuốn *Tìm hiểu từ vựng Công Giáo*, tác giả Huỳnh Trụ giải thích, tên gọi Kinh Mân Côi bắt nguồn từ chữ “Rosarium” trong tiếng Latinh (rosa nghĩa là hoa hồng; rosarium là khu vườn hoa hồng), các tín đồ quan niệm Kinh Mân Côi như là một tràng hoa hồng dâng kính Đức Mẹ Maria, qua cặp mắt và trái tim của Mẹ, để chiêm ngắm các mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Ở Việt Nam không gọi là Kinh hoa hồng, mà dùng chữ Hán 玫瑰經 để gọi tên. Vì hiện tượng đồng âm trong tiếng Hán, nên người Việt đọc theo nhiều cách khác nhau: 玫 (Mân/ Mai/ Môi) nghĩa là hoa hồng, ngọc màu đỏ; 瑰 (Côi/ Khôi) nghĩa là đá quý. Ở miền Trung và miền Nam, từ “Môi Khôi” thông dụng hơn, còn miền Bắc thì quen gọi là “Mân Côi, hay Văn Côi” từ thế kỷ XIX. Còn trong truyện ngắn Công giáo đương đại, các nhà văn sử dụng từ “Mân Côi” là chính yếu. Ban đầu, tràng chuỗi chỉ được coi như một phương tiện thuần túy để giúp các tín hữu đếm số kinh Kính Mừng trong việc đọc kinh Mân Côi. Ngày nay, nó không chỉ đơn thuần là nhiều hạt nhỏ liên kết bằng dây, mà Chuỗi Mân Côi đã trở thành một biểu tượng tôn giáo, mang nhiều giá trị tâm linh sâu sắc.

Như đã tìm hiểu ở trên, biểu tượng tôn giáo là một dấu chỉ để giúp nhận biết các tín đồ. Người Công Giáo đeo Chuỗi Mân Côi để

thể hiện niềm tin, đó là dấu hiệu để nhận biết các Kitô hữu. Chi tiết người đàn ông ngoại quốc nhận ra chị Yên (truyện ngắn *Cỏ dại* – Phạm Hải Miên) là người Công Giáo khi nhìn thấy chuỗi Mân Côi mà chị đeo trước ngực. *“Tôi bị tổn thương thật nặng vì uống nước biển quá nhiều. Lúc mở mắt ra, một người đàn ông hỏi tôi: ‘Are you Catholic?’, ngay lúc ấy đôi mắt tôi lơ đãng vì không hiểu được gì. Ông vội chỉ vào tràng chuỗi trước ngực tôi. Đó là sợi dây chuỗi mẹ chồng trao cho chúng tôi trước ngày vượt biển. Mẹ bảo chúng tôi hãy lần hạt khi nguy khốn* [Ngữ liệu 3, tr. 96-97]. Trong truyện ngắn *Sông chảy về đâu* (Nguyễn Thị Khánh Liên), nhờ vào chuỗi Mân Côi đeo ở tay, nhân vật tôi đã tìm được xác người yêu giữa mênh mông biển người từ nạn. *“Tôi ra biển tìm nàng trong nước mắt và đau đớn. Chưa đầy một tháng, những xác người trên chiếc tàu của nàng trôi dạt về. Người ta nói chẳng một ai sống sót. Những xác người không còn có thể nhận diện, trương phình góm ghềnh. Tôi lật những xác người, mông lung nhận ra nàng qua cái vòng chuỗi Mân Côi đeo ở cổ tay.”* [Ngữ liệu 2, tr. 59].

Có thể thấy, trong những câu chuyện, chuỗi Mân Côi thường xuất hiện vào những lúc con người gặp phải nghịch cảnh cuộc sống. Soi chiếu với lịch sử Giáo hội Công giáo, kinh Mân Côi đã xuất hiện vào thế kỷ XIII, với sự tích Đức Mẹ đã truyền dạy kinh này cho Thánh Đaminh để chống lại bè rối Albigeois, giúp các tín hữu quay trở về với Hội Thánh. Năm 1511, trước nạn xâm lăng và giết hại người Công Giáo của quân Hồi, qua biến cố lịch sử diễn ra tại vịnh Lepante, các tín hữu tin rằng, nhờ Kinh Mân Côi đã giúp họ chiến thắng quân Hồi Giáo. Từ biểu tượng của đức tin Kitô giáo, các nhà văn đã sử dụng giá trị biểu trưng của Chuỗi Mân Côi làm phong phú thêm các sáng tác của mình. Như truyện ngắn *Cát bụi* (Nguyễn Thị Khánh Liên), chuỗi Mân Côi đã ở bên người đàn ông

trong cơn hấp hối. *“Ba nằm hấp hối trong nhà dì, tay quán tràng chuỗi Mân Côi. Giờ phút ba hấp hối mọi nỗi đau buồn và tình cảm đều phải gác qua một bên, chỉ còn giây phút tiễn biệt.”* [Ngữ liệu 2, tr. 53]. Dẫu cho người ba của nhân vật tôi là một người đầy tội lỗi, nhưng trước giờ phút sinh ly tử biệt, những người thân vẫn ở bên và cầu nguyện cho ông. Chuỗi Mân Côi gợi nhớ đến kinh Kính Mừng, *“Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội khi này và trong giờ lâm tử”*, lời kinh nguyện cầu Đức Mẹ cứu giúp những người tội lỗi trong mọi lúc, đặt biệt trước giây phút rời cõi trần để mong được về Nước Chúa. Nhờ tình yêu thương, tràng chuỗi không còn chỉ là vật để cầu nguyện, mà còn là sự kết nối tinh thần, đó là mối dây hiệp thông liên kết con người trong bình an của Chúa. *“Nội, mẹ, dì và ba đưa con đều nắm tay ba và khóc. Tiếng đọc kinh vang dậy căn nhà nhỏ. Trong nhà chúng tôi còn có những người hàng xóm của ba và dì. Họ không có đạo nhưng cũng đứng đó nghiêm trang cùng chúng tôi tiễn biệt người thân, buồn với nỗi buồn của gia đình chúng tôi.”* [Ngữ liệu 2, tr. 53-54]. Người mẹ của nhân vật tôi đã phải chịu đựng sự đau khổ khi bị chồng phản bội để đi theo người phụ nữ khác, dẫu vậy bà vẫn chọn tha thứ và cầu nguyện cho chồng mình. Trong khung cảnh của sự mất mát, những người thân đã bỏ qua sự hận thù, tranh đấu để chung lòng cầu nguyện cho một linh hồn tội lỗi sắp lìa cõi thế, dẫu là người có đạo hay không có đạo cũng được liên kết trong mối dây yêu thương. Khi này chuỗi Mân Côi đã trở nên “vũ khí” mang lại hòa bình, giúp con người tha thứ cho kẻ làm tổn thương mình, và tìm lại sự bình an trong tâm hồn. Bình an cũng chính là ơn ích thiêng liêng mà Chuỗi Mân Côi mang lại, đó là sợi dây liên kết vô hình giữa cuộc sống thực tại và cõi Thiên Đàng. Tác giả Nguyễn Thị Khánh Liên đã cho thấy điều ấy nơi hình ảnh người mẹ của nhân vật tôi. *“Mẹ đã già, chiều chiều ngồi lẩn*

chuỗi thanh thân chờ ngày trở về với Chúa” [Ngữ liệu 2, tr. 57].

Liên hệ với việc chiêm nghiệm các “mẫu nhiệm thương” của kinh Mân Côi, biểu tượng chuỗi Mân Côi mang ý nghĩa giúp các tín hữu vâng theo ý Chúa, có lòng can đảm và kiên nhẫn vác Thánh giá của đời mình (là những đau khổ). Qua đó, chuỗi Mân Côi là phương tiện để tìm kiếm sự an bình, sự che chở và hướng dẫn thiêng liêng. Trong truyện ngắn *Xuân về xóm Bãi* của Tâm Ngọc, kể về câu chuyện nhân vật cụ Tí vì cơn lũ đã khiến cậu mất đi gia đình, phải chịu cảnh mồ côi cha mẹ khi mới mười hai tuổi. Tí phải sống trong căn chòi rách nát, mỗi ngày mưu sinh ở bãi rác. Đối với Tí, thứ đáng giá nhất bây giờ là tràng chuỗi Mân Côi cũ kĩ, sờn bạc. *“Mỗi đêm nó lấy tràng chuỗi ra mân mê rồi lẩn hạt như ngày xưa, khi gia đình nó còn êm ấm. Những lúc đó, nó thấy tâm hồn mình dịu lại, bình an, quên hết mọi buồn phiền, lắng lo của cuộc sống. Thằng Tí khao khát được rước Chúa, vì lâu lắm rồi nó không còn đến nhà thờ, không còn dự Thánh lễ.”* [Ngữ liệu 4, tr. 116]. Trước những đau khổ và khó khăn của cuộc sống, chuỗi Mân Côi giúp Tí có thêm hy vọng, an ủi và chữa lành trái tim tổn thương của cậu. Kết thúc câu chuyện là chi tiết trong lúc Tí đang lẩn chuỗi Mân Côi, cha giáo xứ đã đến trước cửa lều nơi Tí ở để trao cho cậu “ánh sáng ngời hi vọng”. *“Thằng Tí cố đọc cho xong kinh Sáng danh kết thúc chuỗi hạt năm mươi. Nó bước ra ngoài, một túi quà lớn trước lều...Nó ngược lên, thấp thoáng một áo chàm đen đi về phía nhà thờ, dưới ánh sáng ngời hi vọng.”* [Ngữ liệu 4, tr. 119]. Chuỗi Mân Côi không chỉ đem lại cho cậu bé sự trợ giúp thiêng liêng về mặt tinh thần, bên cạnh đó, nó còn mang đến cho Tí sự trợ giúp về cuộc sống tương lai. Đây như là món quà nhiệm mầu, nhờ sự kiên trì và phó thác của cậu mà có được.

Từ một dụng cụ dùng để đếm số kinh nguyện, việc làm tịnh tiến trong lúc đọc kinh

Mân Côi cho thấy sự liên tục của hành trình con người – qua việc chiêm nghiệm và thánh hóa. Nhân vật chị Yên trong truyện *Cỏ dại* (Phạm Hải Miên) đã trải qua hành trình sinh tử, mất mát, đau thương. Từ một người oán hờn Chúa, than trách số phận, chị đã chấp nhận Thánh giá của đời mình, để sau đó trở về với tình yêu của Thiên Chúa. “*Tôi hận Chúa đã bỏ mặc chúng tôi trong lúc tôi cần đến Ngài vô cùng. Tôi đã níu áo Mẹ nơi tràng chuỗi, nhưng tôi vẫn mất anh... Nhưng rồi, tôi nghiệm ra mình đã sai khi trách móc. Nếu không có Chúa, không có tràng chuỗi ấy, tôi có còn ở đây không?*” [Ngữ liệu 3, tr. 97]. Ta thấy trên tràng chuỗi Mân Côi, Thánh giá là mở đầu và kết thúc của kinh nguyện. Vì thế, chuỗi Mân Côi tập trung về tượng Chúa chịu nạn. Điều đó nói lên rằng, nhờ những lời kinh Mân Côi dâng kính Đức Mẹ, qua Mẹ và nhờ Mẹ Maria dắt đưa người đọc tới cùng Chúa Giêsu. Như lời khẳng định của nhân vật chị Yên: “*Chính tràng chuỗi của Mẹ đã đưa tôi đến với Chúa cách xác tín hơn.*” [Ngữ liệu 3, tr. 97].

Chuỗi Mân Côi là một vật dụng của sự thánh thiêng và có ý nghĩa quan trọng đối với đức tin Kitô giáo. Nó trở thành một biểu tượng trong đời sống tinh thần, và trong văn chương, những giá trị của chuỗi Mân Côi được các nhà văn thể hiện đầy đủ, sinh động. Qua câu chuyện của các nhân vật cho thấy, chuỗi Mân Côi đem lại sức mạnh cho những người gặp đau khổ, yếu đuối; là ánh sáng mang lại hy vọng cho những số phận bất hạnh; là nguồn trợ lực thiêng liêng mang đến sự bình an cho tâm hồn con người.

3.2.2. Biểu tượng tiếng chuông

Trong kiến trúc nhà thờ Công Giáo, tháp chuông là một phần quan trọng không thể thiếu, và tiếng chuông là một yếu tố linh thiêng, gắn bó mật thiết với đời sống của các tín hữu. Dựa trên nền tảng Kinh Thánh, ở thời Cựu Ước, Thiên Chúa đã truyền cho ông Moses làm những kèn bạc, để khi các tư tế

thổi lên, dân chúng nghe tiếng kèn mà quy tụ lại và cử hành hy lễ. (*Dân số 10, 1-10*). Đến thế kỉ thứ IX, tiếng chuông xuất hiện ở các tu viện Châu Âu, sau đó được phổ biến rộng rãi và dần trở thành một dụng cụ phục vụ cho việc phụng tự. Vì vậy, tiếng chuông đối với đạo Công Giáo là một vật thiêng mang nhiều ý nghĩa và là nguồn cảm hứng cho văn chương.

Đầu tiên, tiếng chuông như một chiếc đồng hồ báo thức giờ giấc, báo hiệu thời khắc để các tín hữu chuẩn bị đến nhà thờ tham dự Thánh Lễ. Bên cạnh đó, nó còn thông báo những biến cố quan trọng trong đời sống cộng đoàn như: khi có tin vui (đại lễ, lễ cưới, chào mừng,...) và tin buồn khi có người mới qua đời (còn gọi là chuông tử, theo nguyên tắc “nam thất, nữ cửu”). Nhà văn Nguyễn Thị Khánh Liên đã miêu tả về tiếng chuông trong truyện ngắn *Người gác chuông nhà thờ* như một thứ âm thanh không thể thiếu đối với cộng đoàn dân Chúa. “*Ở làng đạo có âm thanh nào quen thuộc và ám áp hơn tiếng chuông nhà thờ? Tiếng chuông ai cũng nghe từ nhỏ, suốt thời thơ ấu, lớn lên và cả về chiều xế bóng. Tiếng chuông báo hiệu lễ sáng, lễ chiều, báo cho những bà mẹ đưa con đầy tháng đến tuổi đến nhà thờ rửa tội, báo tin một người thân quen trong giáo xứ đã qua đời, về thế giới bên kia, về với Chúa*” [Ngữ liệu 2, tr. 25]. Tiếng chuông nhà thờ gắn liền với người Công Giáo từ khi sinh ra đến khi qua đời. Không chỉ thực hiện công việc là thông báo và quy tụ đoàn chiên, tiếng chuông còn là âm thanh thiêng liêng, nhắc nhở mỗi người tín hữu thuộc về Chúa, là lời kêu gọi trở về với Thiên Chúa. Tác giả Nguyễn Thị Khánh Liên đã cho thấy sức mạnh diệu kì của tiếng chuông nhà thờ đối với sự trở về của nhân vật Thành (*Tiếng chuông mùa xuân*). Câu chuyện kể về cậu bé Thành sinh ra với thân hình con trai, nhưng lại mang tâm hồn của người con gái. Từ một cậu bé giúp lễ ước mơ làm linh mục, lại trở thành một cô đào hát

lô tô, bốn ba chôn chơ đời. Trong một buổi chiều nơi xứ lạ, Thành nghe được tiếng chuông nhà thờ, cậu nhớ lại chính bản thân mình, nhớ lại quá khứ ngày xưa ở bên gia đình. Tiếng chuông đã thôi thúc Thành đến nhà thờ để tham dự Thánh Lễ, kể từ lúc đó, cậu bỏ tất cả công việc ở đoàn lô tô mà trở về với gia đình sau hơn mười ba năm đi hoang. “*Nghe tiếng chuông nhà thờ ngân, bỗng nhiên mình lại nhớ mình [...] Nhờ một tiếng chuông nhà thờ xứ lạ mà con mới về lại nhà Chúa và về với má đó má*” [Ngữ liệu 2, tr. 111-120]. Âm thanh của tiếng chuông không chỉ vang vọng bên ngoài tai, mà nó được coi là biểu tượng cho tiếng Chúa vang vọng trong tâm hồn, thúc giục con người hãy mau thay đổi.

Tiếng chuông còn nhắc nhở các tín hữu sống luật Chúa, là âm thanh mang lại sự hòa bình và tha thứ. Trong truyện ngắn *Tiếng chuông* của Nguyễn Ninh, kể về mâu thuẫn của một gia đình Công giáo, người vợ bất mãn và bỏ nhà đi vì người chồng mãi mê công việc, thường xuyên chèn chế với đồng nghiệp mà bỏ bê gia đình, thờ ơ với việc sống Đạo. Trong lúc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đang đẩy gia đình đến bờ vực đổ vỡ, “*Anh còn mãi nghĩ thì có tiếng chuông nhà thờ đổ dồn vắng vắng. Từng tiếng chuông vọng vào hồn anh nỗi niềm thao thức bụi ngùi.*” (*Tiếng chuông* - Nguyễn Ninh [Ngữ liệu 5, tr. 71]). Khi đứng trước sự lựa chọn giữa danh lợi thế gian với hạnh phúc gia đình; giữa một môi trường nhiều cám dỗ dễ đánh mất chính mình với việc sống đúng với ơn nghĩa là con cái Chúa, chi tiết tiếng chuông xuất hiện vang vọng đã đánh động tâm hồn người chồng, giúp anh nhìn lại bản thân mình, suy tư về những chọn lựa của cuộc sống. “*Tuy chẳng bận tâm lắm chuyện nhà thờ nhà thánh nhưng hình như cái mầm đức tin Công Giáo hãy còn náu anh lại.*” (*Tiếng chuông* - Nguyễn Ninh [Ngữ liệu 5, tr. 71]). Tiếng chuông vang lên trước mỗi Thánh Lễ, biểu trưng cho sự mời

gọi tha thứ và làm hòa với tha nhân. Chúa Giêsu đã dạy rằng: “*Nếu khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sực nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh, thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình.*” [Mat-thêu 5, 23-24]. Tác giả Nguyễn Ninh đã sử dụng tiếng chuông như lời mời gọi người chồng trong câu chuyện hãy mau đi làm hòa với vợ của mình. Tiếng chuông mang sứ điệp rằng, con người chỉ có thể tìm được hạnh phúc viên mãn và nguồn mạch ân sủng ở nơi nó xuất phát – chính là Thiên Chúa. Như lời dạy của Hội Thánh: “*Ái đặt nền mình sâu chắc vào trong Chúa như tháp chuông nhà thờ thì cũng sẽ đủ sức vươn cao lên trời và đứng thẳng vững chắc giữa đời.* Tiếng chuông còn là tiếng mời gọi tín hữu sống luật Chúa, vì thế đây là biểu tượng cho sự liên kết đất trời.” (*Nghĩ thức làm phép chuông mới*) [9].

Âm thanh của chuông còn mang ý nghĩa nhắc nhở các tín hữu hãy sống tỉnh thức và sẵn sàng, đó cũng là hai trạng thái đức tin cốt lõi mà Chúa Giêsu đã dạy: “*Anh em hãy canh thức và cầu nguyện kéo sa chước cám dỗ. Vì tinh thần thì hăng hái, nhưng thể xác lại yếu đuối.*” [Mac-cô 14, 39]. Tiếng chuông đánh thức những người đang ngủ mê trong bóng đêm của tội lỗi, kêu gọi họ tỉnh thức và sẵn sàng để chuẩn bị tâm hồn đón gặp Chúa. Tác giả Phạm Hải Miên đã dùng biểu tượng tiếng chuông như âm thanh báo hiệu sự thức tỉnh của nhân vật chị Phương (*Bước qua niềm đau*). Sau giấc chiêm bao chiến đấu với ma quỷ (là tội lỗi), tiếng chuông nhà thờ đã đưa Phương về với thực tại, kêu mời chị đến với Chúa là nguồn an ủi và chỉ đường. “*Tiếng chuông báo giờ lễ sáng nay trầm lặng, thế buồn như rót hết vào lòng chị [...]* Bây giờ, chị cần đến với Chúa.” [Ngữ liệu 3, tr. 112-113]. Đó cũng chính là tiếng chuông đánh thức nhân vật Hằng (*Tiếng Vọng* - Tâm Ngọc) khi bị sự dữ bủa vây và cô đang phải vùng

vẫy để thoát khỏi bóng đêm từ trong giấc mộng tội lỗi. “*Nghe xa xa vang lên những hồi chuông thúc giục mọi người đến nhà thờ “King koong...King...koong...king...koong”.* Suốt ngày hôm đó, Hằng không ngớt nghe văng vẳng trong tai mình điệp khúc trù mấn: “*Trở về với Thầy đi con. Trở về với Thầy đi con!*” [Ngữ liệu 4, tr. 35]. Tiếng chuông như một nốt nhạc thiêng, xuất hiện những lúc con người yếu đuối, mệt nhọc. Khi nghe tiếng chuông nhà thờ thôi thúc, các tín hữu như được mời gọi gác lại những muộn phiền để chạy đến với Chúa, xin Ngài soi sáng và hướng dẫn qua những Thánh Lễ hằng ngày. Có thể thấy sự gặp gỡ giữa hai chủ thể sáng tạo khi sử dụng biểu tượng tiếng chuông trong sáng tác của mình. Sự liên kết giữa biểu tượng Thánh giá và tiếng chuông trong hai tác phẩm *Bước qua niềm đau* (Phạm Hải Miên) và *Tiếng Vọng* (Tâm Ngọc) đã thể hiện được một vai trò khác mà tiếng chuông mang đến, đó là xua đuổi sự dữ. Người ta tin rằng, ma quỷ (sự dữ) ghét tiếng chuông nhà thờ vì đó là âm thanh kêu gọi người tín hữu đến với Chúa và cầu nguyện. Các nhà văn đã diễn tả ý nghĩa của tiếng chuông như đúng với tinh thần của đức tin Công giáo, “*Khi âm thanh của chuông vọng vào tai dân chúng, thì xin cho họ được thêm lòng tin, xin cho mọi mưu chước địch thù, mọi tiếng gầm mưa gió, mọi sức tấn công bão tố tan đi. Xin cho tiếng sấm ghê sợ nên êm dịu, xin cho bàn tay mạnh mẽ Chúa điều khiển sức mạnh khiêm khi, để mọi uy lực trên đây phải run sợ và chạy trốn trước ảnh Thánh giá Chúa được khắc trên chuông này.*” (Nghị thức làm phép chuông mới) [9].

Tiếng chuông không chỉ đơn giản là một dụng cụ phát ra âm thanh, mà nó đã trở thành một biểu tượng trong văn hóa và mang nhiều giá trị huấn giáo. Có thể tóm gọn các vai trò của tiếng chuông qua các câu thơ dân gian bằng tiếng La-tinh như sau: *Laudo Deum, plebem voco, congrego clerum, defunctos ploro, pestem fugo, festa decoro* (tôi ca ngợi

Chúa, kêu gọi nhân dân, triệu tập giáo sĩ, thương khóc người chết, đuổi xa dịch tễ, thông báo lễ lạc). Khi các tín hữu nghe âm thanh của chuông, cũng chính là âm thanh của tiếng Chúa vang lên trong tâm hồn của con người, Thiên Chúa đã dùng tiếng chuông như dấu chỉ về sự hiện diện gần gũi thiêng liêng của Ngài.

4. Kết luận

Bằng khoa học, con người có thể nhận biết những chân lý, nhưng cũng có những chân lý chỉ nhận thức được qua đức tin. Niềm tin tôn giáo chính là cái siêu nhiên vô hình, nhưng nhờ biểu tượng, nó có thể cảm nhận qua con mắt trực quan. Đạo Công giáo không chỉ đơn giản tồn tại ở mặt siêu hình, nhưng Thiên Chúa còn nói với con người qua thụ tạo hữu hình. Vì vậy, biểu tượng là cầu nối giữa cái hữu hình và vô hình, đưa các tín hữu từ nhìn ngắm bằng con mắt trần gian đến chiêm ngắm những thực tại vĩnh cửu. Hội Thánh còn dùng hệ thống biểu tượng như những phương tiện giáo dục (mang sứ mệnh huấn giáo). Ban đầu những biểu tượng được sử dụng với mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu trong phụng vụ và loan báo Tin Mừng của Hội Thánh. Nhưng khi đưa các biểu tượng thiêng vào văn chương thì nó có một tác dụng vô cùng hiệu quả. Nhờ sự đa nghĩa của hệ thống biểu tượng, các nhà văn đã sử dụng biểu tượng thiêng trong các tác phẩm như: Chúa, Thánh Giá, Đức Mẹ, chuỗi Mân Côi, tiếng chuông,...để xây dựng thế giới nghệ thuật về cuộc sống và tâm linh con người phong phú, hấp dẫn. Qua đó thể hiện những tư tưởng của Thánh Kinh một cách trực quan và sinh động. Đặc biệt, từ các biểu tượng thiêng đã dẫn đến siêu biểu tượng, đó là biểu tượng “*Sự Hiện Diện Thiêng Liêng*”. (Theo *Nhân học thần học* định nghĩa, “Hiện Diện Thiêng Liêng là biểu tượng Kitô giáo được diễn tả qua kinh nghiệm mạc khải của ‘*Thiên Chúa hiện diện*’ chính xác trong đời sống thiêng liêng (hay nhân bản)” [6, tr. 379]).

Việc nghiên cứu hệ thống các biểu tượng thiêng trong văn chương, cho thấy tôn giáo đã được biểu trưng hóa trong sáng tạo nghệ thuật. Các nhà văn đã sử dụng các biểu tượng Kitô giáo và ý nghĩa của nó để tạo nên vẻ đẹp độc đáo riêng trong truyện ngắn Công giáo Việt Nam đương đại.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Bảng (2010), *Văn học Công Giáo Việt Nam – Những chặng đường*, NXB Từ điển bách khoa.
2. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng: Một số hướng tiếp cận lý thuyết*, NXB Thế giới.
3. Hội đồng Giám Mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công Giáo 500 mục từ*, NXB Tôn giáo.
4. Jean Chevalier (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
5. Đỗ Trần Phương (2007), “Đôi điều về biểu tượng Công Giáo và biểu tượng Công Giáo trong một số nhà thờ Công Giáo ở Hà Nội,” *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, tập 06, trang 53-59.
6. Nguyễn Hữu Quang (2018), *Nhân học thần học: Con người trong dòng mạch khai*, NXB Tôn giáo.
7. Trần Văn Sáng (2022), *Ký hiệu và biểu tượng, tiếp cận liên ngành ngôn ngữ với văn chương và văn hóa*, NXB Thuận Hóa.
8. Huỳnh Trụ (2021). *Tìm hiểu từ vựng Công Giáo*, Nhà xuất bản Tôn giáo.
9. Thánh Bộ Phụng Tự (1984), “Nghị thức làm phép chuông mới,” trong *Sách các phép và Sách lễ nghi Giám mục*, Thư viện Hội đồng Giám mục Việt Nam.
10. Võ Long Tê (1965), *Lịch sử văn học Công Giáo Việt Nam*, NXB Tư Duy.
11. Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin (2022), *Sách giáo lý của Hội Thánh Công Giáo*, NXB Tôn giáo.

Ngữ liệu khảo sát:

1. Chung Thanh Huy (2022), *Bão*, NXB Hồng Đức.
2. Nguyễn Thị Khánh Liên (2021), *Sông chảy về đâu*, NXB Hồng Đức.
3. Phạm Hải Miên (2022), *Ánh sao đêm*, NXB Hồng Đức.
4. Tâm Ngọc (2023), *Tiếng Vọng*, NXB Hồng Đức.
5. Nguyễn Ninh (2023), *Đi tìm Ikigai*, NXB Hồng Đức.